**KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN ĐỊA LÍ - LỊCH SỬ 9**

**(PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)**

**I. MA TRẬN KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |  | |
| **1** | VÙNG TÂY NGUYÊN | – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | **1TN** | |  | |  | |  | | **0.25đ=**  **2.5%** | |
| **2** | VÙNG ĐÔNG NAM BỘ | – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng.  – Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. | **4TN** | |  | |  | |  | | **1đ=**  **10%** | |
| **3** | VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG | – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng.  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |  | | **½**  **TL\*a** | | **½**  **TL\*b** | |  | | **1.5đ=**  **15%** | |
|  |  |  |  | |  | |  | |  | |  | |
| **4** | PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO | – Biển và đảo Việt Nam  – Phát triển tổng hợp kinh tế biển  – Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường  biển đảo | **3TN** | | **½**  **TL\*a** | |  | | **½**  **TL\*b** | | **2.25đ=**  **22.5%** | |
| **Tổng** | | | | **8 TN** | | **1TL** | | **1/2 TL (a)** | | **1/2 TL(b)** | | **5** | |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***20*** | | ***15*** | | ***10*** | | ***5*** | | ***50%*** | |

II. **BẢNG MÔ TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | VÙNG TÂY NGUYÊN | – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | Nhận biết  – Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên: trồng cây công nghiệp lâu năm; phát triển du lịch; thủy điện và khai thác khoáng sản;  Thông hiểu  – Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  – Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.  Vận dụng  – Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế-xã hội. | **TN** |  |  |  |
|  | VÙNG ĐÔNG NAM BỘ | – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng.  – Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. | Nhận biết  – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng: công nghiệp, phát triển cây công nghiệp; du lịch và thương mại (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  Thông hiểu  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  Vận dụng  – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. | **4TN** |  |  |  |
| 3 | VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG | – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng.  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. | Nhận biết  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng: sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  Thông hiểu  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  – Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.  – Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểmvùng Đồng bằng sông Cửu Long. |  | **½**  **TL\*a** | **½**  **TL\*b** |  |
| **4** | PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO | – Biển và đảo Việt Nam  – Phát triển tổng hợp kinh tế biển  – Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường  biển đảo | Nhận biết  – Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.  Thông hiểu  – Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển;.  - Vận dụng  Ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  -Vận dụng cao  Đưa ra được các giải pháp bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. | **3TN** | **½**  **TL\*a** |  | **½**  **TL\*b** |
| **Tổng** | | | | **8 TN** | **1TL** | **1/2 TL (a)** | **1/2 TL(b)** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

**III. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)**

**Chọn đáp án đúng nhất**

**Câu 1.** Cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên là

A. cao su. B. hồ tiêu. C. chè. D. cà phê.

**Câu 2.** Khoáng sản có giá trị nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

A. cao lanh. B. đá a-xít. C. bô-xít. D. dầu khí.

**Câu 3.** Đông Nam Bộ có khí hậu gì?

A. Nhiệt đới khô B. Xích đạo. C. Cận xích đạo D. Cận nhiệt đới.

**Câu 4.** Cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

**A.**  Thành phố Hồ Chí Minh. **B.**  Biên Hòa.

**C.**  Bình Dương. **D.**  Đồng Nai.

**Câu 5.** Dựa và Át lát địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết đường bờ biển nước ta bắt đầu từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến:

**A.** Đất Mũi (Cà Mau). **B.** Năm Căn (Cà Mau).

**C.** Rạch Giá (Kiên Giang). **D.** Hà Tiên (Kiên Giang).

**Câu 6.** Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng:

**A.** ĐB sông Hồng. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** ĐB. Sông Cửu Long.

**Câu 7.** Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm môi trường biển - đảo của nước ta hiện nay là

**A.**  hoạt động công nghiệp, sinh hoạt của con người.

**B.**  hoạt động du lịch.

**C.**  khai thác dầu khí ở thềm lục địa.

**D.**  khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản.

**Câu 8.** Tỉnh, thành nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. TP. Hồ Chí Minh. B. Đồng Nai.

C. Tiền Giang. D. Cần Thơ.

**PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** (1,5 điểm)

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG CÂY LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC NĂM 2010 VÀ NĂM 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **2010** | | **2021** | |
| Đồng bằng  sông Cửu Long | Cả nước | Đồng bằng  sông Cửu Long | Cả nước |
| Diện tích gieo trồng (triệu ha) | 3,98 | 8,61 | 3,92 | 8,14 |
| Trong đó: Lúa | 3,92 | 7,48 | 3,89 | 7,23 |
| Sản lượng (triệu tấn) | 21,7 | 44,6 | 24,4 | 48,3 |
| Trong đó: Lúa | 21,5 | 40,0 | 24,3 | 43,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2022)*

a. Tính tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2010 và năm 2021 (đơn vị: %)

b. Hãy nêu nhận xét

**Câu 2:** (1,5 điểm)

a. Trình bày đặc điểm phát triển tổng hợp ngành kinh tế khai thác và nuôi trồng hải sản của nước ta.

b. Nêu một số giải pháp để khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo?

**IV.ĐÁP ÁN**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)**

**Chọn đáp án đúng nhất**

**Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **D** | **D** | **C** | **A** | **D** | **C** | **A** | **D** |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **a.** Tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2010 và năm 2021 (đơn vị: %)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Chỉ tiêu | Năm 2010 | | Năm 2021 | | | Cả nước | ĐB. SCL | Cả nước | ĐB. SCL | | Diện tích | 100,0 | 52,4 | 100,0 | 53,8 | | Số lượng | 100,0 | 53,8 | 100,0 | 55,5 | | **1 điểm** |
| b. Nhận xét: Diện tích và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm trên 50% so với cả nước. Tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của vùng có xu hướng tăng. | **0,5 điểm** |
| **Câu 2** | a. Đặc điểm phát triển tổng hợp ngành kinh tế khai thác và nuôi trồng hải sản của nước ta.  **\* Tiềm năng:**  - Vùng biển nước ta có trữ lượng hải sản lớn với nhiều ngư trường.  - Dọc bờ biển và ven các đảo có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi trồng hải sản.  **\* Hiện trạng:**  - - Sản lượng khai thác và nuôi trồng hải sản ngày càng tăng.  - Khai thác và nuôi trồng ngày càng hiện đại.  - Công tác quản lí nghề cá trên biển ngày càng chặt chẽ và hiện đại,...  **\* Tác động tới các ngành kinh tế khác**  - Cung cấp nguyên liệu quan trọng cho ngành công nghiệp chế biến, thúc đẩy phát triển du lịch, tạo mặt hàng xuất khẩu có giá trị.  - Mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân vùng biển, góp phần bảo vệ quốc phòng an ninh  **\* Vấn đề đặt ra:**  - Chú ý đến sự suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường, tuân thủ các công ước quốc tế. | **1 điểm** |
| b. **Một số giải pháp để khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo**  + Đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên biển.  + Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm ô nhiễm môi trường biển, đảo.  + Quản lí và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, đảo; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển  + Tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu trong phòng, chống ô nhiễm môi trường biển, đảo.  + Tuyên truyền, giáo dục người dân có ý thức và hành động bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, đảo. | **0,5 điểm** |